

Bản án số: 111/2023/DS-PT

Ngày: 24-3-2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Thanh Giang;

2. Bà Trương Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2023/QĐ-PT, ngày 12 tháng 01 năm 2023 và Thông báo ngày xét xử số: 31/TB-TA ngày 10-3-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1951; cư trú tại: Tổ 32, ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn X, sinh năm 1964 và bà Trương Thị L, sinh năm 1967; cư trú tại: Tổ 32, ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; ông X vắng mặt, bà L có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông X, bà L: Ông Lưu Hải T, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 79 đường Nguyễn Văn L, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 29-10-2022); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Võ Thị C, sinh năm 1981; cư trú tại: Tổ 32, ấp X, xã H, huyện G, Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

- Chị Võ Thị Q, sinh năm 1991; cư trú tại: Tổ 32, ấp X, xã H, huyện G, Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

- Anh Lâm Văn S, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp H, xã T₁, huyện V, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Tổ 32, ấp X, xã H, huyện G, Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 1948, chết ngày 09-02-2021.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C:

+ Anh Võ Hoàng A, sinh năm 1970; anh Võ Văn M, sinh năm 1972; chị Võ Thị K, sinh năm 1979; Chị Võ Thị C, sinh năm 1981; Chị Võ Thị Q, sinh năm 1991; cùng cư trú tại: Tổ 32, ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

+ Chị Võ Thị Ánh Đ, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp 3, xã Bàu Đồn, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

+ Chị Võ Thị Hồng H, sinh năm 1985; cư trú tại: No.165, Baoan Forest, 17 Zhongmi, Zhunan Township, Miaoil County; xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Phạm Văn X và bà Trương Thị L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Võ Văn T trình bày: Ông được cha mẹ vợ tặng cho vợ chồng ông phần đất diện tích hơn 5.400 m² từ năm 1968, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh, phần ranh giáp đất với ông S (đã chết) ông có trồng hàng cây trúc và cây tầm vong giữa hai bên. Năm 1975, vợ chồng về sinh sống trên phần đất này, hàng cây ranh trồng trước đây giáp đất ông S vẫn còn. Khoảng năm 2010, ông S đổi đất với ông Phạm Văn X, nên ông X có rào thêm hàng kẽm gai sát với hàng cây trúc, tầm vong và các bên sử dụng đất ổn định. Năm 2018, ông chia đất cho các con thì phát hiện có một phần diện tích đất ông đang sử dụng nhưng lại cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông X, ông xin điều chỉnh lại nhưng vợ chồng ông X không đồng ý, dẫn đến tranh chấp.

Ông yêu cầu Tòa án công nhận cho vợ chồng ông được quyền sử dụng phần đất theo kết quả đo đạc thực tế 897,20 m², một phần thửa số 94 (theo BĐ 2005), tờ bản đồ số 17; theo bản đồ 299, một phần thửa số 3743, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02420...QSĐĐ/355/2000/QĐ-UB(H) ngày 10-10-2000 cho ông Phạm Văn X đứng tên; đất tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện G, Tây Ninh.

Bị đơn ông Phạm Văn X, bà Trương Thị L và người đại diện hợp pháp ông Đặng Tấn L trình bày: Năm 1982, ông X, bà L có đổi đất với ông S (đã chết), đất trao đổi giữa hai bên không có ranh. Do ông X trồng nhãn bị mất trộm, đến năm 2008 ông X rào hàng kẽm gai hiện tại vẫn còn, nhưng hàng rào này ông X rào không đúng vị trí với ranh đất, vì sợ đập chông đinh sắt do ông T cắm, sự việc trên ông X có báo với Ban quản lý ấp X đến thu giữ.

ông X, bà L nhiều lần nhổ hàng cây tre, tầm vong nhưng ông T vẫn trồng lại; việc vợ chồng ông X rào hàng kẽm gai chỉ rào tạm, không phải để xác định ranh đất giữa hai bên. Tranh chấp ranh đất, ông X làm đơn gửi đến Ban quản lý ấp hòa giải,

nhưng không chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân xã giải quyết tiếp theo. Phần đất tranh chấp ông X sử dụng được khoảng 06 tháng thì xảy ra tranh chấp nên không sử dụng cho đến nay; cây trồng trên phần đất tranh chấp do ông T trồng. ông X, bà L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T và đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp 897,20 m², một phần thửa số 94 cho bị đơn được quyền sử dụng; các tài sản trên đất vợ chồng T trồng bị đơn không đồng ý bồi thường.

ông X, bà L phản tố yêu cầu ông T trả lại diện tích 37,20 m², một phần thửa số 93, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00107 ngày 12-10-2010 cho Ông Võ Văn T và Bà Phạm Thị C đứng tên. Đối với tài sản trên diện tích 37,20 m² bị đơn yêu cầu Chị Võ Thị C và Chị Võ Thị Q di dời, ông X, bà L không phải bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Võ Thị Q và Anh Lâm Văn S trình bày: Anh, chị là con gái, con rể của Ông Võ Văn T và Bà Phạm Thị C (chết). Cách nay khoảng 08 năm, cha mẹ có tặng cho anh chị phần đất chiều rộng 11 m, chiều dài 16 m và xây nhà sinh sống cho đến nay; khi tặng cho đất không làm giấy tờ; năm 2018 thì phát hiện đất của cha mẹ nhưng ông X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh chị có đến gặp nói chuyện với ông X, nhưng ông X không đồng ý làm thủ tục trả lại đất. Anh chị thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Chị Võ Thị C trình bày: Chị là con gái của Ông Võ Văn T và Bà Phạm Thị C (chết). Chị được cha mẹ tặng cho riêng phần đất chiều rộng 11 m, chiều dài 16 m và xây nhà sinh sống cho đến nay; chị thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Chị Võ Hoàng A, anh Võ Văn M, chị Võ Thị Ánh D, chị Võ Thị K, chị Võ Thị Hồng H trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Văn T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2022/DS-ST, ngày 22 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai; Điều 166, 175, 176, 236 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Văn T về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” với ông Phạm Văn X và bà Trương Thị L.

Công nhận Ông Võ Văn T, Chị Võ Thị C, Chị Võ Thị Q, Anh Võ Hoàng A, anh Võ Văn M, chị Võ Thị Ánh D, chị Võ Thị K và chị Võ Thị Hồng H được quyền sử dụng diện tích đất 897,20 m², thuộc một phần thửa số 94, tờ bản đồ số 17 (BĐ 2005); theo bản đồ 299 là một phần thửa số 3743, tờ bản đồ số 02, có tứ cận: Đông giáp thửa số 93, dài 60,67 m + 41,91 m; Tây giáp thửa số 94, dài 15,87 m + 8,75 m + 6,94 m + 3,86 m + 15,07 m + 3,80 m + 12,09 m + 4,04 m + 11,63 m + 3,80 m + 3,96 m + 4,12 m; Nam giáp thửa số 94, dài 1,88 m; Bắc giáp thửa 66 dài 9,45 m + 6,94 m + 3,66 m, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện G, Tây Ninh, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02420...QSĐĐ/355/2000/QĐ-UB(H)

ngày 10-10-2000 cho ông Phạm Văn X đứng tên.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện G, Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Tây Ninh điều chỉnh một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02420...QSĐĐ/355/2000/QĐ-UB(H) ngày 10-10-2000 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho Phạm Văn X để cấp lại cho Ông Võ Văn T, Chị Võ Thị C, Chị Võ Thị Q, Anh Võ Hoàng A, anh Võ Văn M, chị Võ Thị Ánh Đ, chị Võ Thị K và chị Võ Thị Hồng H theo quyết định của bản án này.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn X và bà Trương Thị L về yêu cầu Ông Võ Văn T và các con ông T trả lại quyền sử dụng đất diện tích đất 37,20 m².

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 26-8-2022, ông Phạm Văn X và bà Trương Thị L kháng cáo Bản án số: 82/2022/DS-ST, ngày 22 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện G, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T; ông T có nghĩa vụ chuyển phần mộ của bà C vào khu nghĩa trang tập trung; chị C, chị Q di dời nhà trả đất lại cho ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông X, bà L không tham gia tranh luận.

bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không tham gia tranh luận.

Ông T đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, không đồng ý với kháng cáo của ông X, bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 897,20 m² ông T quản lý, sử dụng từ năm 1975 đến nay; bị đơn được cấp giấy phân đất tranh chấp từ năm 2000 nhưng từ trước đến nay không quản lý, sử dụng; diện tích đất giữa hai bên được phân ranh do nguyên đơn trồng hàng cây trúc, tầm vong và bị đơn tiến hành rào ranh đất bằng trụ xi măng, kẽm gai như hiện trạng. Các bên sử dụng đất ổn định trên 30 năm, ranh đất vẫn còn tồn tại, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông X, bà L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn X và bà Trương Thị L kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Phần đất tranh chấp diện tích 897,20 m², một phần thửa số 94, tờ bản đồ số 17; theo bản đồ 299, một phần thửa số 3743, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02420...QSĐĐ/355/2000/QĐ-UB(H) ngày 10-10-2000 cho ông Phạm Văn X đứng tên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, nguồn gốc diện tích đất tranh chấp ông T, bà C được cha mẹ tặng cho từ năm 1968 và liên tục quản lý, sử dụng từ năm 1975 cho đến nay. Khi được tặng cho đất, ông T có trồng hàng cây trúc, tầm vong để làm ranh giáp với đất ông S (đã chết), năm 1982 ông S đổi diện tích đất này lại cho ông X, bà L quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng đất, giữa hai bên xảy ra tranh chấp về ranh đất nhưng được Ban quản lý ấp tiến hành hòa giải và được hai bên thống nhất, nên ông X, bà L tiến hành làm ranh bằng hàng rào kẽm gai, trụ xi măng, cốt thép giáp với hàng cây trúc, tầm vong ông T đã trồng trước đó.

[4] Theo kết quả xác minh người dân có thời gian dài sinh sống tại địa phương xác định gia đình ông T là người quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp suốt từ năm 1975 cho đến nay. ông X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp, nhưng từ trước cho đến nay gia đình ông X, bà L chưa một lần quản lý, sử dụng, vì đất này không phải của ông bà. Do đó, khi xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất diện tích 897,20 m² cho ông T và các con ông T là có căn cứ.

[5] Như vậy, phần đất tranh chấp từ năm 1975 cho đến nay gia đình ông T, là người trực tiếp quản lý, sử dụng; khoảng năm 2013 ông T, bà C tặng cho con là chị Q, chị C mỗi người một phần trong diện tích đất tranh chấp để xây nhà sinh sống; diện tích còn lại ông T trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ. ông X, bà L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông T, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, nên chấp nhận; không chấp nhận kháng cáo của ông X, bà L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Trong hồ vụ án, cấp sơ thẩm đã thu thập được giấy tờ tùy thân của người tên Võ Hoàng A, sinh năm 1970, giới tính: Nam; người tên Võ Thị K, sinh năm 1979 là các con của ông T, bà C, nhưng trong bản án sơ thẩm lại ghi “*chị Võ Hoàng A và chị Võ Thị R*” là thiếu kiểm tra, ghi sai tên, sai giới tính của đương sự trong vụ án, cần rút kinh nghiệm.

[8] Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tổng cộng số tiền 14.189.000 đồng, do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên ông X, bà L phải chịu số tiền này. Ghi nhận ông T đã ứng nộp và chi phí xong nên ông X, bà L có nghĩa vụ nộp lại 14.189.000 đồng để trả cho ông T.

[9] Về án phí: ông X, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị

đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 166, 175, 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 105, 106 của Luật Đất đai; Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn X và bà Trương Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2022/DS-ST, ngày 22 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Văn T về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với ông Phạm Văn X và bà Trương Thị L.

Công nhận cho Ông Võ Văn T và các con ông T gồm: Chị Võ Thị C, Chị Võ Thị Q, Anh Võ Hoàng A, anh Võ Văn M, chị Võ Thị Ánh Đ, chị Võ Thị K và chị Võ Thị Hồng H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 897,20 m², một phần thửa số 94, tờ bản đồ số 17 (theo BĐ 2005); theo (bản đồ 299), một phần thửa số 3743, tờ bản đồ số 02; đất có tứ cận: Đông giáp thửa số 93, dài 60,67 m + 41,91 m; Tây giáp thửa số 94, dài 15,87 m + 8,75 m + 6,94 m + 3,86 m + 15,07 m + 3,80 m + 12,09 m + 4,04 m + 11,63 m + 3,80 m + 3,96 m + 4,12 m; Nam giáp thửa số 94, dài 1,88 m; Bắc giáp thửa số 66, dài 6,94 m + 9,45 m + 3,66 m, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện G, Tây Ninh, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02420...QSDĐ/355/2000/QĐ-UB(H) ngày 10-10-2000 cho ông Phạm Văn X đứng tên (có sơ đồ đất kèm theo).

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02420...QSDĐ/355/2000/QĐ-UB(H), được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10-10-2000 cho ông Phạm Văn X đứng tên, đất tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện G để cấp lại cho Ông Võ Văn T, Chị Võ Thị C, Chị Võ Thị Q, Anh Võ Hoàng A, anh Võ Văn M, chị Võ Thị Ánh Đ, chị Võ Thị K và chị Võ Thị Hồng H đứng tên diện tích đất theo quyết định của bản án này.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn X và bà Trương Thị L về yêu cầu Ông Võ Văn T và các con ông T gồm: Chị Võ Thị C, Chị Võ Thị Q, Anh Võ Hoàng A, anh Võ Văn M, chị Võ Thị Ánh Đ, chị Võ Thị K và chị Võ Thị Hồng H trả lại quyền sử dụng đất diện tích đất 37,20 m².

4. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn X và bà Trương Thị L có nghĩa vụ nộp lại số tiền 14.189.000 đồng (mười bốn triệu, một trăm tám mươi chín nghìn đồng) để trả lại cho Ông Võ Văn T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn X và bà Trương Thị L phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0023920, ngày 24-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G; ông X, bà L còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn X và bà Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0024613, ngày 29-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G; ông X, bà L nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện G
- CCTHADS huyện G
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Trần Quốc Vũ

